

Bản án số: 178/2017/DS-PT

Ngày: 20- 9- 2017

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và bồi thường thiệt hại về tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Nguyễn Duy Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2017/TLPT – DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2017/QĐPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Thành T1, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp H, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn Ngh, sinh năm 1942; địa chỉ cư trú: số nhà 287, ấp H, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 5 năm 2017); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thành H1, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp TH xã TĐ, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: – Luật sư Nguyễn Thanh H2 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thanh H2 – Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Vũ Thị H3, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp H, xã TH huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị H3: Ông Phạm Văn Ngh, sinh năm 1942; địa chỉ cư trú: số nhà 287, ấp H, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 5 năm 2017); có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 37, ấp T, xã TP huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Anh Võ Anh T2, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp T, xã TĐ huyện T, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

+ Chị Trương Thị Ngọc M, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp T, xã TĐ, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

+ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T; địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân: Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: cán bộ tín dụng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 4 năm 2016); Tòa án không triệu tập.

+ Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Lê Thành T1, bị đơn anh Lê Thành H1.

+ Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn Ngh đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 15/3/1996 vợ chồng là chị Vũ Thị H3 và anh Lê Thành T1 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01426 thửa đất số 343 tờ bản đồ số 02 diện tích 7.000m² đất tọa lạc tại: Xã TĐ, huyện T, tỉnh Tây Ninh ;tứ cận: Đông giáp mương thoát nước (đất ở của anh T1); Tây giáp đất ông K; Nam giáp đất anh H1; Bắc giáp đất anh L, anh T2, đất chị H3 và anh T1 sử dụng không có tranh chấp. Đến năm 2014, anh Lê Thành H1 có đất liền kề đã lấn sang phần đất của chị H3 và anh T1 diện tích là 1.664,7m² nên giữa chị H3, anh T1 và H1 phát sinh tranh chấp. Nay, chị H3, anh T1 yêu cầu anh H1 trả lại 1.664,7m² diện tích đã lấn; ngoài ra chị H3, anh T1 yêu cầu bồi thường thiệt hại hai vụ mùa năm 2015 và 2016 không sản xuất được với số tiền là 76.000.000 đồng.

Bị đơn - anh Lê Thành H1 trình bày:

Anh và anh Lê Thành T1 là anh em, nguồn gốc thửa đất của anh và anh T1 đều là do cha mẹ anh khai phá cho. Năm 2011, anh được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 277529 thửa đất số 340 tờ bản đồ số 02 diện tích 10.850m², đất tọa lạc tại: Xã TĐ,

huyện T, tỉnh Tây Ninh. Năm 2014, do chưa có nhu cầu sử dụng đất nên anh cho vợ chồng anh Võ Anh T2 và chị Trương Thị Ngọc M thuê để trồng mì thời hạn thuê là 05 năm tính từ ngày 06/3/2014 giá thuê là 30.000.000 đồng/năm. Sau khi lập hợp đồng cho thuê đất thì anh và anh T2 có tiến hành đo đạc để giao đất cho anh T2 phát hiện đất bị thiếu 1.664,7m² so với diện tích 10.850m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho rằng anh T1 đã lấn đất của mình nên anh đã đo lấy đất anh T1 diện tích 1.664,7m² giao cho anh T2 theo hợp đồng thuê đất, anh không đồng ý trả lại diện tích 1.664,7m² và không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu anh T1

Người đại diện hợp pháp của chị H3 trình bày: Vợ chồng chị H3 yêu cầu anh H1 trả lại diện tích 1.664,7m² yêu cầu bồi thường thiệt hại hai vụ mùa năm 2015 và 2016 không sản xuất được với số tiền là 76.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh H1 sống chung với nhau từ năm 2010 không có đăng ký kết hôn, diện tích đất 10.850m² anh H1 đứng tên là tài sản riêng của anh H1, chị không có ý kiến và yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Anh T2 và chị Trương Thị Ngọc M trình bày:

Vợ chồng anh, chị có thuê đất của anh H1 diện tích 10.850m² để trồng mì trong thời hạn là 05 năm tính từ ngày 06/3/2014, giá thuê 30.000.000 đồng/năm tổng số tiền thuê là 150.000.000 đồng. Vợ chồng anh, chị đã giao đủ số tiền 150.000.000 đồng cho anh H1 nhưng khi đo đất để giao thì phát hiện diện tích đất thiếu 1.664,7m² nên anh H1 có đo sang đất của anh T1 đang sử dụng lấy 1.644,7m² để giao đủ diện tích đất. Hiện tại, trên đất vợ chồng anh đang trồng mì, việc anh H1 và chị H3, anh T1 có tranh chấp đất, vợ chồng anh, chị không có ý kiến và yêu cầu gì, nếu sau này anh H1 phải trả lại cho chị H3, anh T1 diện tích 1.664,7m² anh đang thuê thì vợ chồng anh, chị sẽ khởi kiện anh H1 bằng một vụ án khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T ông Nguyễn Văn C trình bày:

Anh H1 có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 10.850 m² tờ bản đồ số 02 thửa đất số 340 tọa lạc tại xã TĐ, huyện T, tỉnh Tây Ninh do anh H1 đứng tên để vay số tiền 400.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng, thời hạn vay là 13 tháng từ ngày 19/12/2016 đến ngày 19/01/2018 anh H1 chưa vi phạm hợp đồng nên Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn C không có ý kiến yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 04-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 260, 265, 307, 608, 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 203 Luật Đất đai.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thành T1, chị Vũ Thị H3 đối với anh Lê Thành H1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản:

Buộc anh Lê Thành H1 phải trả lại cho anh Lê Thành T1, chị Vũ Thị H3 một phần đất diện tích đất là 921m² đất tọa lạc tại: Ấp T, xã TĐ, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: Hướng Bắc giáp đất anh Lê Thành T1 dài 162,69m; Hướng Nam giáp đất anh Lê Thành H1 dài 162,58m; Hướng Đông giáp ruộng (đất ở của anh Lê Thành T1) dài 02m; Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn K dài 9,34 m (có sơ đồ kèm theo).

Anh Võ Anh T2 và Chị Trương Thị Ngọc M có nghĩa vụ thu hoạch cây mì trên diện tích đất 921 m² để giao lại đất trồng cho anh T1, chị H3.

Buộc anh Lê Thành H1 bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Lê Thành T1, chị Vũ Thị H3 vụ mùa 2015 số tiền 1.342.000 (một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn) đồng, vụ mùa 2016 số tiền 2.763.000 (hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn) đồng. Tổng cộng là 4.105.000 (bốn triệu một trăm lẻ năm nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thành T1, chị Vũ Thị H3 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 743.7 m².

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thành T1, chị Vũ Thị H3 đối với anh Lê Thành H1 về bồi thường thiệt hại về tài sản vụ mùa 2015 với số tiền là 53.658.000 (năm mươi ba triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn) đồng và vụ mùa 2016 với số tiền là 18.237.000 (mười tám triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Tổng cộng là 71.895.000 (bảy mươi một triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm ngày 18/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 18/7/2017 nguyên đơn anh Lê Thành T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện buộc anh Lê Thành H1 trả lại diện tích đất 1.664,7m² và bồi thường thiệt hại hai vụ mùa 2015, 2016 là 76.000.000 đồng.

Ngày 17/7/2017 bị đơn anh Lê Thành H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ nội dung vụ án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thành T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên kháng nghị, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình.

Luật sư Nguyễn Thanh H2 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đất của anh H1 được mẹ, anh, chị đồng ý tặng cho rõ ràng hợp pháp, đất anh T1 được ông L cho nhưng đã chết năm 1995 đây là tài sản thừa kế chưa chia, anh T1 tự đăng ký là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ mà tuyên án buộc anh H1 trả đất và bồi thường thiệt hại là không có căn cứ pháp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án chuyển hồ sơ cấp sơ thẩm xét xử lại.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự. Các bên đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Lê Thành T1; không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Thành H1 chấp nhận Kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS 18/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông H1 trả lại cho anh T1 diện tích đất 1.664 m²; ấn định thời gian để anh T2, chị M trả đất lại cho anh H1 để anh H1 trả đất lại cho anh T1; tính lại khoản tiền mà anh H1 phải bồi thường thiệt hại về tài sản đồng thời tính lại án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh T1, anh H1 là anh em ruột, đất của hai anh đều được cha mẹ tặng cho, trong đó diện tích đất theo giấy anh T1 được cấp năm 1996 là 7.000m², giấy cấp cho anh H1 năm 2011 là 10.858m². Sau khi nhận đất anh T1, H1 cũng không kiểm tra đo đạc xem diện tích thực tế có đúng với diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không, mà các anh nhận sử dụng theo ranh đã có, không tranh chấp. Đến năm 2014 anh H1 cho anh T2, chị M thuê đất, giá thuê tính theo diện tích đất được ghi trên giấy và anh H1 và nhận đủ tiền thuê 5 năm nhưng khi đo đất phát hiện thiếu diện tích so với giấy đất nên anh H1 tự lấy diện tích 1.664,7m² đất liền kề của anh T1 cho đủ 10.550m² giao cho anh T2 để nhận đủ tiền thuê 150.000.000 đồng/5 năm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T1, kháng cáo của anh T1, anh H1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Nguồn gốc đất là của cha, mẹ anh T1, anh H1 khai phá và được cấp giấy, từ giấy của cha, mẹ đã chuyển qua cho anh T1, anh H1 đứng tên. Anh T1, anh H1 nhận đất canh tác thời gian dài không tranh chấp khiếu nại gì mà bằng lòng sử dụng diện tích theo ranh đã có. Lẽ ra năm 2014 sau khi đo đạc phát hiện diện tích thiếu 1.664,7m² thì anh H1 phải có bàn bạc, kiểm tra đất anh T1 xem đúng hay không mới lấy đủ diện tích theo giấy để cho anh T2 thuê. Nhưng anh H1 đã tự đo lấy 1.664,7 m² đưa cho anh T2 thuê là không đúng.

[3] Theo kết quả đo đạc thực tế diện tích đất anh T1 còn có 5.504,3m² anh H1 lấy 1.664,7 m² tính tổng cộng diện tích chung là 7.169 m², so giấy 7.000 m² thì dư 169 m². Đất anh H1 đo thực tế 9.283,1 m² so giấy 10.850 m² thiếu 1.566,9m². Tại công văn số 1470/UBND ngày 12/12/2016 của UBND huyện T tỉnh Tây Ninh xác định năm 1992 diện tích cấp giấy là lấy kết quả từ bản đồ chụp không ảnh, độ chính xác không cao. Hiện nay theo bản đồ đo đạc địa

chính chính quy thì diện tích đất của anh T1 là 7.242,4m² so với thực tế lệch 242,4m², đất anh H1 là 9.086m² so thực tế lệch 197,1m². Nên có căn cứ xác định diện tích cấp theo bản đồ không ảnh năm 1992 và diện tích này các bên đã được cha, mẹ cho anh em đã nhận sử dụng. Khi nhận đất anh T1, anh H1 cũng không đo đạc, kiểm tra xem diện tích có đúng với giấy đất được cấp hay không mà các anh đồng ý sử dụng. Diện tích đo đạc thực tế này gần khớp với diện tích bản đồ địa chính, còn diện tích cấp giấy là theo kết quả chụp từ bản đồ không ảnh năm 1992 có độ chính xác không cao như UBND huyện T đã trả lời. Hiện nay diện tích thực tế đất anh H1 vẫn lớn hơn diện tích đất anh T1, các anh đã nhận từ nhiều năm nay không thắc mắc khiếu nại gì. So diện tích thực tế thì bản đồ không ảnh có diện tích chênh lệch rất lớn, diện tích bản đồ địa chính chính quy có lệch nhưng diện tích lệch không lớn. Cấp sơ thẩm chỉ buộc anh H1 trả cho anh T1 921m² trong khi anh H1 tự đo lấy 1.664,7 m² đất để giao cho anh T2 là không phù hợp, thiếu căn cứ. Nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, không chấp nhận kháng cáo của anh H1, không chấp nhận lời của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H1, sửa án sơ thẩm. Buộc anh H1 phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh T1 1.664,7 m² trị giá thành tiền 83.235.000 đồng.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2015 anh T1 yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 55.000.000 đồng, đơn bổ sung khởi kiện ngày 19/5/2016 anh T1 yêu cầu bồi thường số tiền vụ mùa năm 2015 – 2016 là 53.300.000 đồng; tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/5/2017 anh T1 yêu cầu bồi thường vụ mùa năm 2015- 2016 số tiền 76.000.000 đồng đến ngày 12/5/2017 chị H3 người được anh T1 ủy quyền rút yêu cầu bồi thường số tiền vụ mùa 2016 số tiền 21.000.000 đồng, còn lại số tiền 55.000.000 đồng. Tại đơn kháng cáo ngày 18/7/2017 anh T1 yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 76.000.000 đồng. Như vậy, xác định số tiền anh T1, chị H3 chỉ yêu cầu 55.000.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm giải quyết số tiền 76.000.000 đồng là không đúng nên cấp phúc thẩm tính lại khoản tiền bồi thường như sau:

Vụ mùa năm 2015, 2016 giá thuê đất là 30.000.000 đồng/10.850m²/1 năm = 2.764 đồng/1m² x 1.664,7m² x 2 năm = 9.202.461 đồng. Buộc anh H1 có trách nhiệm bồi thường cho anh T1, chị H3 số tiền 9.202.461 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 49.797.539 đồng.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án nên án phí dân sự sơ thẩm sửa theo quy định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Lê Thành T1 được chấp nhận nên anh T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, kháng cáo của anh Lê Thành H1 không được chấp nhận nên anh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Chi phí đo đạc, định giá tài sản anh H1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Do anh T1 đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá xong nên anh H1 có nghĩa vụ trả lại cho anh T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Lê Thành T1, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lê Thành H1. Sửa bản án sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C:

Căn cứ vào các Điều 260, 265, 307, 608, 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thành T1, chị Vũ Thị H3 đối với anh Lê Thành H1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và chấp nhận một phần về bồi thường thiệt hại về tài sản:

Buộc anh Lê Thành H1, anh Võ Anh T2, chị Trương Thị Ngọc M phải giao trả lại cho anh Lê Thành T1, chị Vũ Thị H3 diện tích đất 1.664,7m² thuộc tờ bản đồ số 02 số thửa 343 (theo bản đồ 299) thuộc tờ bản đồ số 12 số thửa 184 (theo bản đồ địa chính mới) đất tọa lạc tại: Ấp T, xã TĐ, huyện T, tỉnh Tây Ninh, tứ cận: Hướng Bắc giáp đất anh T1 dài 162,69m; Hướng Nam giáp đất anh H1 dài 138,74 m + 24,35 m; Hướng Đông giáp nương (đất của anh T1) dài 7,87 m + 02m; Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn K dài 9,34 m + 0,94 m (có sơ đồ kèm theo).

Buộc anh Lê Thành H1 bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Lê Thành T1, chị Vũ Thị H3 vụ mùa 2015, 2016 số tiền 9.202.461 (chín triệu hai trăm lẻ hai nghìn bốn trăm sáu mươi một) đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thành T1, chị Vũ Thị H3 đối với anh Lê Thành H1 về bồi thường thiệt hại về tài sản vụ mùa 2015 - 2016 với số tiền là 45.797.539 (bốn mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi chín) đồng.

3/ Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Thành T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.290.000 (hai triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.032.500 (bốn triệu không trăm ba mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0007356 ngày 02/3/2015, số 0023067 ngày 20/5/2016, số 0023978 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh T1, chị H3 được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 1.742.500 (một triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng .

Anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.621.873 (bốn triệu sáu trăm hai mươi một nghìn tám trăm bảy mươi ba) đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Lê Thành T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho anh T1 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024464 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu.

Anh Lê Thành H1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0024462 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, anh H1 nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4/ Chi phí đo đạc, định giá: Anh H1 phải chịu 8.242.000 (tám triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn) đồng. Do anh T1 đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá xong nên anh H1 có nghĩa vụ trả lại cho anh T1 số tiền 8.242.000 (tám triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Tòa DS;
- Lưu HS;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lâm Văn Be

